TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 15- 9- 2025
"*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thanh Nguyên và Nguyễn Minh Trí.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QSĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Lê Minh T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là ấp K, xã T, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị C**, sinh năm 1971 và **anh Lê Hoàng P**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là ấp H, xã T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị C (bà C) và con trai là anh Nguyễn Hoàng P (anh P) đã nhiều lần đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông Lê Minh T (ông T)

để mua vật tư nông nghiệp về sử dụng canh tác lúa, tôm. Đến ngày 25/11/2021 âm lịch bà C và anh P có ký biên nhận nợ xác nhận còn nợ ông T số tiền mua bán là 25.330.000 đồng.

Quá trình khởi kiện ông T khởi kiện yêu cầu bà C và anh P thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 25.330.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 25/11/2021 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên toà ông T rút lại yêu cầu tính lãi và tiếp tục yêu cầu bà C và anh P thanh toán số nợ mua bán là 25.330.000 đồng đồng thời phải trả lãi chậm trả tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến ngày trả hết nợ mua bán.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bà Nguyễn Thị C có ý kiến trình bày như sau:

Vào năm 2021 chồng bà C là ông Nguyễn Minh T (ông T) có mua vật tư nông nghiệp của ông T và còn nợ số tiền khoảng 25.000.000 đồng. Việc mua bán do ông T ghi sổ đưa cho chồng bà C giữ, đến cuối vụ ông T có đưa cho bà C 4.000.000 đồng để trả cho ông T, sau đó ông T có mang giấy biên nhận nợ lại kêu bà C ký tên nhận nợ thì bà C có ký tên nhận nợ. Khi ký giấy nhận nợ với ông T không được bao lâu thì ông T với bà C xảy ra cự cãi rồi ông T đã bỏ nhà đi cho đến nay không quay về. Nay bà C chỉ đồng ý trả ½ số nợ theo yêu cầu của ông T và bà C xác định ông T có trách nhiệm trả ½ số nợ cho ông T.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có.

Nội dung không thống nhất: Ông T xác định bà C và anh Phúc nợ tiền mua bán là 25.330.000 đồng; bà C xác nhận nợ và chỉ đồng ý trả ½ số nợ theo yêu cầu của ông T đồng thời xác định ông T phải có trách nhiệm trả ½ số nợ, bà C xác định anh P không liên quan đến số nợ mua bán của ông T.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) biên nhận nợ ngày 25/11/2021; bị đơn không cung cấp chứng cứ. Toà án xác minh tình trạng hôn nhân của ông T và bà C.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản

2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi do rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự mua bán tài sản, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Tây Yên, tỉnh An Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Tại phiên tòa bà C và anh P đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà, ông T rút lại yêu cầu tính lãi của số nợ mua bán. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu do đó căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay ông T yêu cầu bà C và anh P có nghĩa vụ thanh toán số nợ mua bán là 25.330.000 đồng theo biên nhận nợ. Các bị đơn không có ý kiến phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp chứng cứ đã thanh toán nợ mua bán.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2025 bà C xác định bà C và con trai là P có ký tên xác nhận số nợ mua bán với ông T số tiền khoảng 25.000.000 đồng tuy nhiên bà C cho rằng đây là khoản nợ chung

của ông (chồng của bà C) và bà C và số nợ trên không có liên quan đến anh Plà con trai của bà C.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P – con trai của bà C hiện đang ở cùng nhà với bà C đã biết việc ông T khởi kiện đối với mình thông qua các văn bản tố tụng do Toà án tống đạt nhưng không thể hiện ý kiến phản đối hay không thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xem xét giải quyết vụ án dựa trên các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đối với ý kiến của bà C cho rằng số nợ mà ông T yêu cầu là nợ chung của vợ chồng bà C và ông T, nhận thấy trong biên nhận nợ ngày 25/11/2021 Al chỉ thể hiện có chữ ký xác nhận nợ của bà C và anh P, không thể hiện có chữ ký xác nhận nợ của ông T. Quá trính giải quyết vụ án bà C đã được Toà án thông báo việc cung cấp chứng cứ tài liệu liên quan đến nghĩa vụ liên đới trả nợ giữa bà C và ông T nhưng bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì. Toà án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông T và bà C được Uỷ ban nhân dân xã Tây Yên phúc đáp tại Công văn số 38/UBND-TPHT ngày 08/8/2025 cho biết: Qua công tác tra cứu dữ liệu tại Uỷ ban nhân dân xã Tây Yên không tìm thấy thông tin kết hôn của bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Minh T. Như vậy không có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân và trách nhiệm liên đới giữa bà C với ông T như ý kiến và yêu cầu của bà C.

Căn cứ vào Biên nhận nợ lập ngày 25/11/2021 âm lịch, xác định nghĩa vụ thanh toán nợ mua bán thuộc về bà C và anh P là người đã trực tiếp ký tên xác nhận nợ với ông T. Đến nay bà C không cung cấp được chứng cứ tài liệu về việc đã thanh toán nợ mua bán với ông T nên có căn cứ xác định bà C và anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua do đó yêu cầu ông T khởi kiện yêu cầu bà C anh P trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào Điều 280, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự cần buộc bà C và anh P có nghĩa vụ liên đới thanh toán số nợ mua bán là 25.330.000 đồng cho ông T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà các bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì phải chịu tiền lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số tiền còn nợ theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tại phiên toà ông T rút lại yêu cầu tính lãi đối với số nợ mua bán, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính tiền lãi đối với số nợ mua bán.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí bà C và anh P phải nộp là: 25.330.000 đồng x 5% = 1.266.500 đồng.

Ông T được hoàn trả số tiền nộp tiền tạm ứng án phí đã nộp là 633.000 đồng.

[5] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T.

Buộc bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Hoàng P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Minh T số tiền nợ mua bán là 25.330.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Hoàng P chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Lê Minh T thì còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Hoàng P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.266.500 đồng (Một triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Ông Lê Minh T được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 633.000 đồng (Sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003639 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên. (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – An Giang).

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 15/9/2025, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm